

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND huyện Nhơn Trach về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trach nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về tổ chức triển khai Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số VB-032025 ngày 10 tháng 03 năm 2025; Văn bản số 01/CVCS - GPMT ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Công ty TNHH Okatsune Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung cấp giấy phép môi trường của "Công ty TNHH Okatsune Việt Nam" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 53/TTr-NNMT ngày 13 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Okatsune Việt Nam (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Công ty TNHH Okatsune Việt Nam”, địa chỉ tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – giai đoạn 2, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Okatsune Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – giai đoạn 2, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV: số 3603074617 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 12 năm 2016 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 7688051664, chứng nhận lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2013, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 23 tháng 09 năm 2015 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.5. Mã số thuế: 3603074617.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại bánh răng, bơm bánh răng, máy rửa cao áp; máy dùng trong bảo trì xe hơi và làm sạch môi trường như máy giặt thảm, máy thay nhớt, máy hút bụi, máy khử trùng xe... và các phụ tùng, thiết bị liên quan (không bao gồm công đoạn xi mạ).

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích 5.000 m².

- Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất:

+ Sản xuất các loại bánh răng, bơm bánh răng, máy rửa cao áp; máy dùng trong bảo trì xe hơi và làm sạch môi trường như máy giặt thảm, máy thay nhớt... và các phụ tùng thiết bị liên quan (không bao gồm công đoạn xi mạ) với quy mô 560 tấn/năm;

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất bánh răng: Nhập nguyên liệu sản xuất (thép đặc chủng) → Cưa → Tiện → Cắt → Xọc then → Cà răng → Cắt gọt vĩa, tạo hình sắc nét bánh răng (cắt ba vớ) → Khoan, phay → Kiểm tra kích thước bánh răng → Đóng gói → Xuất hàng.

+ Quy trình lắp ráp thiết bị (máy rửa cao áp, máy giặt thảm, máy thay nhớt,...): Nhập phụ tùng, thiết bị điện tử, cơ khí, cao su, nhựa, ống, ốc vít, co nối, nhãn mác,... → Kiểm tra phụ tùng, thiết bị nhập → Lắp ráp các phụ tùng, thiết bị → Lắp ráp các phụ tùng thiết bị điện tử → Lắp ráp thành phẩm → Kiểm tra chất lượng sản phẩm → Vệ sinh thành phẩm → Đóng gói → Lưu kho → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở:

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Okatsune Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 19 tháng 03 năm 2035)

Điều 4. Giao Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Nhon Trạch, Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Nhon Trạch tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *h.đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh, PCVP. HĐND và UBND huyện;
- Phòng NNMT (02 bản chính);
- Phòng VHKKH và TT huyện (đăng trên Trang Thông tin điện tử huyện);
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Lưu: VT, TH (Ti, S). *h.đ*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Hồ Quốc Tân**

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 62/GPMT-UBND
ngày 19 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- **Nguồn số 01:** Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên và nước thải từ quá trình lau sàn, vệ sinh văn phòng sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được thu gom và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – giai đoạn 2 theo Hợp đồng xử lý nước thải số 47/HĐXLNT ngày 27 tháng 10 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa và Công ty TNHH Okatsune Việt Nam.

- **Nguồn số 02:** Nước thải sản xuất từ nước pha nhớt cắt gọt được Công ty thu gom và chuyển giao cho đơn vị thu gom chất thải nguy hại theo Hợp đồng xử lý chất thải số 01/20/HDXL/MTXHP-OKASTUNE ngày 01 tháng 01 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV Môi trường Xanh Huê Phương VN và Công ty TNHH Okatsune Việt Nam.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng, khu nhà vệ sinh trong phân xưởng sản xuất, từ hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân, sau xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 03 ngăn ($V=8,53m^3$), được thu gom bằng đường ống nhựa PVC Ø 200mm vào hệ thống thu gom nước thải của nhà xưởng, sau đó đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – giai đoạn 2.

- Vị trí đầu nối: tại 01 hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 trên đường số 6.

- Tọa độ: $X = 1.184.280$; $Y = 411.550$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiều 3⁰)

- Lưu lượng đầu nối nước thải: $8.53 m^3/ngày$.

- Chế độ đầu nối nước thải: liên tục.

- Phương thức đầu nối: tự chảy (24/24 giờ).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:



- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt của nhân viên, quá trình lau sàn nhà, vệ sinh văn phòng
→ Bể tự hoại → Hồ ga → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 trên đường số 6.

- Công suất thiết kế: 01 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 8,53 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2.

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định;

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, đầu nối nước thải, ngừng hoạt động đối với các công đoạn phát sinh nước thải hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất tại nhà máy để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý;

- Vị trí điểm đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2: tại 01 hồ ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 trên đường số 6.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản d Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của nước thải theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2, không xả thải trực tiếp ra môi trường; phối hợp chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 trong việc kê khai, giám sát khối lượng nước thải đầu nối; bảo đảm tổng khối lượng nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 không vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2 Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

3.3. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các đường ống thoát nước thải nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường.





PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *62* /GPMT-UBND
ngày *19* tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhon Trach)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (hoạt động sản xuất của cơ sở không phát sinh khí thải tại nguồn).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

- Có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất đảm bảo quy chuẩn môi trường quy định.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải chưa qua xử lý ra môi trường.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số C2 /GPMT-UBND
ngày 19 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực cửa
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực tiện
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực xọc then
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực khoan, phay

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 có tọa độ: X (m) 1.184.250; Y (m) 411.537
- Nguồn số 02 có tọa độ: X (m) 1.184.247; Y (m) 411.517
- Nguồn số 03 có tọa độ: X (m) 1.184.254; Y (m) 411.521
- Nguồn số 04 có tọa độ: X (m) 1.184.256; Y (m) 411.514

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) – dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và gia tốc rung cho phép, dB
-----	---------	--

		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02/GPMT-UBND
ngày 19 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh: 267.167 kg/năm.

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu mỡ thải	18 02 01	Rắn	2.500
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	10
3	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	12
4	Bao bì mềm thải nhiễm TPNH	18 01 01	Rắn	2.500
5	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	17 02 03	Lỏng	500
6	Ba vó sắt dính dầu	07 03 11	Rắn	260.000
7	Nước thải có các TPNH (Nước pha nhớt thất thoát từ công đoạn cura, tiện)	19 10 01	Lỏng	1.000
8	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	5
9	Vật liệu mài đã qua sử dụng	07 03 10	Rắn	240
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	300
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	100
Tổng				267.167

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 1.520 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì đóng gói nhựa,	Rắn	18 01 06	TT-R	600

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
	nylon....				
2	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	-	TT	920
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					1.520

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 12.480 kg/năm.

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	12.480
Tổng khối lượng		12.480

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy

2.1.2. Khu lưu chứa:

- 02 khu vực có tổng diện tích lưu chứa: 44 m² (01 kho chứa 12 m² và 01 khu vực lưu chứa tạm 32 m²)

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có tường bao, mái che bằng tôn, nền bê tông, lắp dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại và phân loại chất thải nguy hại tại khu lưu giữ. Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 04 khung chứa có thể tích 01 m³/khung

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 04 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít, 120 lít và 240 lít đặt tại nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.

2.3.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực lưu chứa có diện tích 02 m², định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải, thực hiện thu gom, lưu giữ, phân loại, chuyển giao xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải dạng lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu giữ riêng trong khu hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **63** /GPMT-UBND
ngày **19** tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.
4. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
5. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.
6. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến đơn vị kinh doanh quản lý hạ tầng Khu công nghiệp, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ



quan có liên quan, Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện các biện pháp giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phân loại chất thải tại nguồn, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

8. Tuân thủ đúng các quy định an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

